

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NĂM 2015

Hà nội, ngày 30 tháng 09 năm 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2015 đến 30/09/2015

Hà Nội, tháng 09 năm 2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2-3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7-18
1. Phân tích các khoản mục	11
2. Thông tin chi tiết về các khoản mục	12
3. Các khoản phải thu khác	13
4. Các khoản phải trả khác	14
5. Tài sản ngắn hạn khác	15
6. Các khoản nợ ngắn hạn khác	16
7. Thuế GTGT được khấu trừ	17
8. Tài sản ngắn hạn khác	18
9. Tài sản dài hạn	19
10. Tài sản dài hạn khác	20
11. Tài sản dài hạn khác	21
12. Tài sản dài hạn khác	22
13. Tài sản dài hạn khác	23
14. Tài sản dài hạn khác	24
15. Tài sản dài hạn khác	25
16. Tài sản dài hạn khác	26
17. Tài sản dài hạn khác	27
18. Tài sản dài hạn khác	28
19. Tài sản dài hạn khác	29
20. Tài sản dài hạn khác	30
21. Tài sản dài hạn khác	31
22. Tài sản dài hạn khác	32
23. Tài sản dài hạn khác	33
24. Tài sản dài hạn khác	34
25. Tài sản dài hạn khác	35
26. Tài sản dài hạn khác	36
27. Tài sản dài hạn khác	37
28. Tài sản dài hạn khác	38
29. Tài sản dài hạn khác	39
30. Tài sản dài hạn khác	40
31. Tài sản dài hạn khác	41
32. Tài sản dài hạn khác	42
33. Tài sản dài hạn khác	43
34. Tài sản dài hạn khác	44
35. Tài sản dài hạn khác	45
36. Tài sản dài hạn khác	46
37. Tài sản dài hạn khác	47
38. Tài sản dài hạn khác	48
39. Tài sản dài hạn khác	49
40. Tài sản dài hạn khác	50
41. Tài sản dài hạn khác	51
42. Tài sản dài hạn khác	52
43. Tài sản dài hạn khác	53
44. Tài sản dài hạn khác	54
45. Tài sản dài hạn khác	55
46. Tài sản dài hạn khác	56
47. Tài sản dài hạn khác	57
48. Tài sản dài hạn khác	58
49. Tài sản dài hạn khác	59
50. Tài sản dài hạn khác	60
51. Tài sản dài hạn khác	61
52. Tài sản dài hạn khác	62
53. Tài sản dài hạn khác	63
54. Tài sản dài hạn khác	64
55. Tài sản dài hạn khác	65
56. Tài sản dài hạn khác	66
57. Tài sản dài hạn khác	67
58. Tài sản dài hạn khác	68
59. Tài sản dài hạn khác	69
60. Tài sản dài hạn khác	70
61. Tài sản dài hạn khác	71
62. Tài sản dài hạn khác	72
63. Tài sản dài hạn khác	73
64. Tài sản dài hạn khác	74
65. Tài sản dài hạn khác	75
66. Tài sản dài hạn khác	76
67. Tài sản dài hạn khác	77
68. Tài sản dài hạn khác	78
69. Tài sản dài hạn khác	79
70. Tài sản dài hạn khác	80
71. Tài sản dài hạn khác	81
72. Tài sản dài hạn khác	82
73. Tài sản dài hạn khác	83
74. Tài sản dài hạn khác	84
75. Tài sản dài hạn khác	85
76. Tài sản dài hạn khác	86
77. Tài sản dài hạn khác	87
78. Tài sản dài hạn khác	88
79. Tài sản dài hạn khác	89
80. Tài sản dài hạn khác	90
81. Tài sản dài hạn khác	91
82. Tài sản dài hạn khác	92
83. Tài sản dài hạn khác	93
84. Tài sản dài hạn khác	94
85. Tài sản dài hạn khác	95
86. Tài sản dài hạn khác	96
87. Tài sản dài hạn khác	97
88. Tài sản dài hạn khác	98
89. Tài sản dài hạn khác	99
90. Tài sản dài hạn khác	100

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

Mẫu số B 01-CTCK

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		921 647 412 232	870 814 850 473
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.04	207 410 955 318	280 047 392 848
1. Tiền	111		199 410 955 318	165 572 392 848
2. Các khoản tương đương tiền	112		8 000 000 000	114 475 000 000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.05	238 641 552 817	187 043 890 839
1. Đầu tư ngắn hạn	121		266 802 985 854	223 482 129 325
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		- 28 161 433 037	- 36 438 238 486
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.11	469 768 248 307	398 251 134 869
1. Phải thu của khách hàng	131		437 176 735 708	348 958 053 148
2. Trả trước cho người bán	132		2 243 388 433	1 553 900 738
3. Các khoản phải thu khác	138		56 905 908 096	64 296 964 913
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		- 26 557 783 930	- 16 557 783 930
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		5 826 655 790	5 472 431 917
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2 128 945 734	1 668 837 379
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		43 214 587	46 032 769
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		3 654 495 469	3 757 561 769
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		13 738 981 721	12 072 586 500
I. Tài sản cố định	220		3 050 342 817	3 482 197 168
1. TSCĐ hữu hình	221	V.07	1 544 863 826	1 208 822 217
- Nguyên giá	222		18 402 037 481	17 687 225 156
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		- 16 857 173 655	- 16 478 402 939
2. TSCĐ vô hình	227	V.06	1 505 478 991	2 273 374 951
- Nguyên giá	228		11 352 123 323	11 352 123 323
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		- 9 846 644 332	- 9 078 748 372
II. Tài sản dài hạn khác	260		10 688 638 904	8 590 389 332
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			
2. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.10	9 580 489 424	7 482 239 852
3. Tài sản dài hạn khác	268		1 108 149 480	1 108 149 480
TỔNG TÀI SẢN (270 =100 + 200)	270		935 386 393 953	882 887 436 973

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 18 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

MẪU SỐ B 01-CTCK
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		551 771 479 786	493 553 601 474
I. Nợ ngắn hạn	310		298 721 479 786	277 848 601 474
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			30 000 000 000
2. Phải trả người bán	312		471 250 247	1 178 458 328
3. Người mua trả tiền trước	313		1 023 968 495	892 440 772
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.09	3 571 736 190	9 082 896 382
5. Phải trả người lao động	315		2 366 659 067	6 411 940 509
6. Chi phí phải trả	316	V.14	7 211 099 351	7 061 855 411
7. Phải trả & phải nộp khác	319	V.15	277 595 059 906	220 581 357 246
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		1 694 186 407	
9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321			
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		4 787 520 123	2 639 652 826
II. Nợ dài hạn	330		253,050,000,000.	215,705,000,000.
1. Phải trả dài hạn khác	333		.	31,850,000,000.
2. Vay nợ dài hạn	334	V.16	253,050,000,000.	183,855,000,000.
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		383 614 914 167	389 333 835 499
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	383 614 914 167	389 333 835 499
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		350 000 000 000	350 000 000 000
2. Quỹ dự phòng tài chính	418		14 369 075 528	11 665 358 230
3. Lợi nhuận chưa phân phối	420		19 245 838 639	27 668 477 269
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		935 386 393 953	882 887 436 973



Nguyễn Văn Dũng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2015

Lê Thanh Tùng
Kế toán trưởng

Bùi Thị Thanh Hiền
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho chu kỳ tài chính kết thúc ngày 30/09/2015

Chỉ tiêu	Mã số	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm này đến cuối quý 3	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	01	37 180 524 969	35 349 417 430	102 552 205 827	113 105 018 416
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1	11 563 426 128	17 816 991 920	30 876 842 532	47 396 322 400
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2	3 655 757 541	5 338 581 079	10 726 474 562	26 061 101 759
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5	448 181 818	59 090 909	2 006 439 133	506 293 363
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6	301 129 229	406 909 567	1 132 765 611	1 203 222 043
- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7	232 589 693		232 589 693	
- Doanh thu khác	01.9	20 979 440 560	11 727 843 955	57 577 094 296	37 938 078 851
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10	37 180 524 969	35 349 417 430	102 552 205 827	113 105 018 416
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	24 701 744 407	22 914 653 993	60 407 869 804	54 864 668 325
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20	12 478 780 562	12 434 763 437	42 144 336 023	58 240 350 091
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	3 436 044 961	2 886 284 340	21 917 058 553	12 004 804 195
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30	9 042 735 601	9 548 479 097	20 227 277 470	46 235 545 896
8. Thu nhập khác	31	4 850 100		5 614 604	1 479 134
9. Chi phí khác	32				
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	4 850 100		5 614 604	1 479 134
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	9 047 585 701	9 548 479 097	20 232 892 074	46 237 025 030
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51			1 548 096 109	7 904 073 703
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60	9 047 585 701	9 548 479 097	18 684 795 965	38 332 951 327
15. Lợi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	70	259	273	534	1 095



Nguyễn Văn Dũng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2015

Lê Thanh Tùng
Kế toán trưởng

Bùi Thị Thanh Hiền
Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 18 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho chu kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

MẪU SỐ B 03- CTCK
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	20 232 892 074	46 237 025 030
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	1 597 654 351	1 253 654 309
- Các khoản dự phòng	03	1 723 194 551	- 10 209 370 549
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	- 10 749 754 613	- 62 097 344 998
- Chi phí lãi vay	06	26 665 763 959	18 082 617 069
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	39 469 750 322	- 6 733 419 139
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	- 58 575 143 729	- 111 820 562 918
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	- 1 035 080 804	52 790 716 629
- Tiền lãi vay đã trả	13	- 25 533 114 454	- 17 468 097 936
- Thuế TNDN đã nộp	14	- 5 739 615 537	- 4 413 483 909
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	- 460 108 355	- 410 699 024
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	- 36 514 782 000	- 1 982 085 087
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	- 88 388 094 557	- 90 037 631 384
II. Lưu chuyển từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	- 1 207 800 000	- 236 491 400
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	- 44 959 042 080	- 111 763 062 750
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	35 501 686 161	74 422 757 174
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8 921 812 946	68 035 104 293
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	- 1 743 342 973	30 458 307 317
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	220 000 000 000	1 405 592 037 869
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	- 180 805 000 000	- 1 382 763 092 338
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	- 21 700 000 000	- 14 000 000 000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	17 495 000 000	8 828 945 531
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	- 72 636 437 530	- 50 750 378 536
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	280 047 392 848	153 340 248 240
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	207 410 955 318	102 589 869 704

Nguyễn Văn Dũng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2015

Lê Thanh Tùng
Kế toán trưởng

Bùi Thị Thanh Hiền
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

Tầng 6, số 79 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/09/2015

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho chu kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

MẪU SỐ B 05- CTCK

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm		Số Tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
	Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	1	2	3	4	5	6	7	8
Vốn chủ sở hữu								
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	350 000 000 000	350 000 000 000					350 000 000 000	350 000 000 000
2. Quỹ dự phòng tài chính	9 893 537 224	11 665 358 230	1 771 821 006		2 703 717 298		11 665 358 230	14 369 075 528
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	4 174 946 307	27 668 477 269	38 332 951 327	3 543 642 011	18 684 795 965	27 107 434 595	38 964 255 623	19 245 838 639
Tổng cộng:	364 068 483 531	389 333 835 499	40 104 772 333	3 543 642 011	21 388 513 263	27 107 434 595	400 629 613 853	383 614 914 167

Chi tiết tăng giảm trong năm của các chỉ tiêu Vốn chủ sở hữu xem tại Thuyết minh số 18.

Nguyễn Văn Dũng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2015Lê Thanh Tùng
Kế toán trưởngBùi Thị Thanh Hiền
Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 17 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt ("Công ty") được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/12/2006; Giấy phép thành lập và hoạt động số 40/UBCK-GPHĐKD ngày 28/12/2006, Giấy phép điều chỉnh - Giấy phép thành lập và hoạt động số 230/UBCK-GP ngày 17/04/2009 và Giấy phép điều chỉnh - Giấy phép thành lập và hoạt động số 10/GPĐC - UBCK ngày 11/03/2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 350.000.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/09/2015 là 171 người

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn tài chính;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

Đặc điểm kinh doanh trong kỳ ảnh hưởng đến kỳ báo cáo

Số lãi Quý 3 giảm với cùng kỳ Quý 3 năm 2014 nguyên nhân chủ yếu:

Trong kỳ thanh khoản thị trường chứng khoán giảm so với cùng kỳ năm trước dẫn đến doanh thu hoạt động môi giới giảm 6,3 tỷ và doanh thu tự doanh giảm 1,6 tỷ, tuy nhiên doanh thu dịch vụ tài chính tăng 9,7 tỷ so với cùng kỳ năm trước, vì vậy, tổng doanh thu vẫn tăng 1,8 tỷ. Tuy nhiên, do chính sách tăng lương cho nhân viên áp dụng từ cuối năm 2014 do đó chi phí lương cho nhân viên tăng dẫn đến lợi nhuận giảm 0.5 tỷ so với cùng kỳ năm 2014

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Chế độ Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản mục tiền gửi của các nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán được trình bày trên bảng cân đối kế toán của Công ty, nằm trong tài khoản tiền gửi ngân hàng do Công ty đứng tên các tài khoản này tại các ngân hàng thương mại.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Chế độ Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

Hình thức kế toán áp dụng

Nhập ký chung trên máy tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

Tầng 6, số 79 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09- CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. ÁP DỤNG CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực áp dụng sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015. Những quy định trái với Thông tư này đều bãi bỏ. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015, Bộ Tài chính vẫn chưa ban hành văn bản hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán thay thế nên Công ty vẫn trình bày báo cáo tài chính kỳ này theo mẫu báo cáo quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Chế độ Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chínhGhi nhận ban đầu*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần được trình bày trên bảng cân đối kế toán khi Công ty có quyền hợp pháp thực hiện bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả đồng thời.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tiền ký quỹ của nhà đầu tư

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn là chứng khoán thương mại, bao gồm cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết. Đầu tư chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Việc phân loại khoản đầu tư chứng khoán là đầu tư ngắn hạn hay dài hạn phụ thuộc vào quyết định của Ban Tổng Giám đốc. Theo đó, các khoản đầu tư được coi là ngắn hạn khi Công ty dự định sẽ đầu tư với thời hạn dưới 12 tháng.

Giá gốc của các khoản đầu tư chứng khoán xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá cho các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được thực hiện theo những hướng dẫn trong Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ.

Đối với chứng khoán niêm yết, chứng khoán đăng ký giao dịch giá chứng khoán để trích lập dự phòng là giá chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán của ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập, cụ thể:

- Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại UPCOM), giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

Công ty không thực hiện trích lập dự phòng đối với các Công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng vì không thu thập đủ tối thiểu báo giá bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Dự phòng giảm giá các khoản chứng khoán ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty.

Các hợp đồng bán lại

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán. Phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại không được ghi nhận là doanh thu theo nguyên tắc thận trọng trừ khi Công ty có khả năng nhận được phần chênh lệch này một cách chắc chắn.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà Công ty phải trả hệ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư, phải trả Trung tâm Lưu ký chứng khoán về tiền mua chứng khoán của khách hàng và phải trả cho khách hàng tiền bán chứng khoán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu áp dụng).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm khấu hao

Máy móc thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải	03 - 06
Thiết bị, dụng cụ văn phòng	03 - 06
Tài sản cố định khác	03

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là giá trị của các chương trình phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian là 3 năm.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Doanh thu****• Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán:**

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

• Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn:

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và khoản thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết (lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do công ty nắm giữ, lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích).

• Doanh thu hoạt động tư vấn:

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

• Doanh thu khác:

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư tài chính, doanh thu từ các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán và doanh thu khác. Các khoản này được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích. Lãi thu được từ các hợp đồng mua bán chứng khoán có kỳ hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi thực thu.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

Số Tầng 6, số 79 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam

Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/09/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và tương đương tiền	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Tiền gửi ngân hàng	190 560 624 764	167 949 072 892
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch CK	16 850 330 554	14 517 293 606
	207 410 955 318	182 466 366 498

Trong số dư tiền và các khoản tương đương tiền có bao gồm 105 721 805 266 VND (tại 30/06/2015 là 111 880 909 672 VND) là tiền gửi của nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán

5. KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ THỰC HIỆN GIAO DỊCH TRONG KỲ

CHỈ TIÊU	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị giao dịch thực hiện trong kỳ
a) Cửa công ty chứng khoán	417 020	9 880 074 000
- Cổ phiếu	417 020	9 880 074 000
b) Cửa nhà đầu tư	389 149 649	5 371 384 338 000
- Cổ phiếu	389 149 649	5 371 384 338 000
Tổng	389 566 669	5 381 264 412 000

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**6.1 Tình hình đầu tư tài chính**

Chỉ tiêu	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán	So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường
			Tăng	Giảm	
1	2	3	4	5	6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	14 711 303	266 802 985 854	3 201 187 618	29 682 145 746	240 322 027 726
I. Chứng khoán đầu tư	14 711 299	231 302 985 854	3 201 187 618	29 682 145 746	204 822 027 726
Cổ phiếu	14 711 299	231 302 985 854	3 201 187 618	29 682 145 746	204 822 027 726
Cổ phiếu niêm yết	12 982 434	208 843 197 781	3 135 689 693	17 836 899 974	194 141 987 500
Cổ phiếu chưa niêm yết	1 728 865	22 459 788 073	65 497 925	11 845 245 772	10 680 040 226
II. Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	4	35 500 000 000			35 500 000 000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Chứng khoán tự doanh	231 302 985 854	222 245 629 935
Cổ phiếu niêm yết	208 843 197 781	199 786 182 862
Cổ phiếu chưa niêm yết	22 459 788 073	22 459 447 073
Trái phiếu		
Trừ: Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	- 28 161 433 037	- 28 161 433 037
Dự phòng chứng khoán niêm yết	- 17 382 147 265	- 17 382 147 265
Dự phòng chứng khoán chưa niêm yết	- 10 779 285 772	- 10 779 285 772
Đầu tư tài chính ngắn hạn	203 141 552 817	194 084 196 898

6.2 Dự phòng giảm giá đầu tư

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

chỉ tiêu	Số lượng	Gá trị ghi sổ	Giảm giá so với giá thị trường	Dự phòng đã trích lập
Cổ phiếu niêm yết	12 982 434	208 843 197 781	17 836 899 974	17 382 147 265
Cổ phiếu chưa niêm yết	1 728 865	22 459 788 073	11 845 245 772	10 779 285 772
Upcom	778 025	16 896 927 847	11 845 245 772	10 779 285 772
OTC	950 840	5 562 860 225		

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

Tầng 6, số 79 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09- CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu kỳ	16 852 446 688	1 049 043 200	268 758 581	273 789 012	18 444 037 481
Tăng trong kỳ					
- Mua mới					
- Tăng khác					
Giảm trong kỳ	42 000 000				42 000 000
- Thanh lý, nhượng bán	42 000 000				42 000 000
- Giảm khác					
Số dư cuối kỳ	16 810 446 688	1 049 043 200	268 758 581	273 789 012	18 402 037 481
KHẤU HAO LŨY KẾ					
Số dư đầu kỳ	15 016 744 791	1 049 043 200	268 758 581	273 789 012	16 608 335 584
Tăng trong kỳ	290 838 071				290 838 071
Khấu hao trong kỳ	290 838 069				290 838 069
- Tăng khác					
Giảm trong kỳ	42 000 000				42 000 000
- Thanh lý, nhượng bán	42 000 000				42 000 000
- Giảm khác					
Số dư cuối kỳ	15 265 582 862	1 049 043 200	268 758 581	273 789 012	16 857 173 655
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu kỳ	1 835 701 897				1 835 701 897
Tại ngày cuối kỳ	1 544 863 826				1 544 863 826

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu kỳ	11 352 123 323	11 352 123 323
Tăng trong kỳ		
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp		
Giảm trong kỳ		
- Giảm khác		
Số dư cuối kỳ	11 352 123 323	11 352 123 323
KHẤU HAO LŨY KẾ		
Số dư đầu kỳ	9 595 830 675	9 595 830 675
Tăng trong kỳ	250 813 657	250 813 657
Khấu hao trong kỳ	250 813 657	250 813 657
Số dư cuối kỳ	9 846 644 332	9 846 644 332
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu kỳ	1 756 292 648	1 756 292 648
Tại ngày cuối kỳ	1 505 478 991	1 505 478 991

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Thuế giá trị gia tăng	46 381 116	38 875 587
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1 448 096 109	1 548 096 109
- Thuế thu nhập cá nhân	2 077 258 965	2 918 132 018
	3 571 736 190	4 505 103 714

10. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Tiền nộp ban đầu	124 489 244	124 489 244
- Tiền nộp bổ sung	7 297 902 188	7 297 902 188
- Tiền lãi phân bổ trong năm	2 158 097 992	2 158 097 992
	9 580 489 424	9 580 489 424

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

Số Tầng 6, số 79 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam

Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/09/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. CÁC KHOẢN PHẢI THU

Chi tiêu	Tổng số	Đầu kỳ		Số dự phòng	Số phát sinh trong kỳ		Tổng số	Cuối kỳ		Số dự phòng
		Số quá hạn	Số khó đòi		Tăng	Giảm		Số quá hạn	Số khó đòi	
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1. Phải thu của khách hàng	469 212 088 198	1 495 528 730	1 495 528 730	1 495 528 730	1 983 652 502 506	2 015 687 854 996	437 176 735 708	1 495 528 730	1 495 528 730	1 495 528 730
<i>Phải thu về dịch vụ giao dịch ký quỹ</i>	<i>454 112 752 479</i>	<i>43 188 730</i>	<i>43 188 730</i>	<i>43 188 730</i>	<i>1 635 727 019 503</i>	<i>1 658 763 560 133</i>	<i>431 076 211 849</i>	<i>43 188 730</i>	<i>43 188 730</i>	<i>43 188 730</i>
<i>Phải thu về dịch vụ ứng trước</i>	<i>12 636 144 597</i>				<i>347 417 483 003</i>	<i>355 554 616 513</i>	<i>4 499 011 087</i>			
<i>Phải thu hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp</i>	<i>1 547 512 772</i>	<i>1 452 340 000</i>	<i>1 452 340 000</i>	<i>1 452 340 000</i>	<i>508 000 000</i>	<i>454 000 000</i>	<i>1 601 512 772</i>	<i>1 452 340 000</i>	<i>1 452 340 000</i>	<i>1 452 340 000</i>
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>915 678 350</i>					<i>915 678 350</i>				
2. Trả trước cho người bán	2 150 387 318	62 255 200	62 255 200	62 255 200	270 601 115	177 600 000	2 243 388 433	62 255 200	62 255 200	62 255 200
3. Các khoản phải thu khác	60 364 455 000	50 000 000 000	50 000 000 000	25 000 000 000		3 458 546 904	56 905 908 096	50 000 000 000	50 000 000 000	25 000 000 000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Lãi dự thu		
Các khoản phải thu khác	56 905 908 096	60 061 534 000
	56 905 908 096	60 061 534 000

13. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Số dư đầu kỳ	- 26 557 783 930	- 26 557 783 930
Số sử dụng trong kỳ		
Số trích lập trong kỳ		
Số dư cuối kỳ	-26 557 783 930	-26 557 783 930

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Chi phí trả lãi tiền vay cá nhân, tổ chức	7 156 609 090	5 583 948 811
Chi phí phải trả khác	54 490 261	531 775 048
	7 211 099 351	6 115 723 859

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	275 001 171 395	286 638 019 623
- Kinh phí công đoàn	94 999 188	124 897 725
- Bảo hiểm xã hội, y tế	- 10 478 818	214 442 691
- Doanh thu chưa thực hiện		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác		
- Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	1 753 366 389	1 753 366 389
	288 730 726 428	288 730 726 428

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Vay và nợ dài hạn	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Phải trả đối tượng khác		
- Trái phiếu phát hành	253 050 000 000	253 050 000 000
	253 050 000 000	253 050 000 000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế
Số dư tại 01/01/2014	350 000 000 000	9 893 537 224	4 174 946 307
Tăng trong năm		1 771 821 006	23 493 530 962
Trích quỹ trong năm		1 771 821 006	-3 543 642 011
Lợi nhuận trong năm			27 037 172 973
Phân phối lợi nhuận năm 2013			
Tạm chia cổ tức năm 2014			
Số dư tại 31/12/2014	350 000 000 000	11 665 358 230	27 668 477 269
Tăng trong kỳ		2 703 717 298	9 407 476 015
Trích quỹ trong kỳ		2 703 717 298	
Lợi nhuận trong kỳ			18 684 795 965
Phân phối lợi nhuận năm 2014			27 107 434 595
Số dư tại 30/09/2015	350 000 000 000	14 369 075 528	19 245 838 639

Ghi chú: Theo Nghị quyết số 22/2015/NQ-ĐHĐCĐ- Nghị quyết đại hội đồng thường niên năm 2015 ngày 15 tháng 4 năm 2015, phương án phân phối lợi nhuận năm 2014 được thông qua như sau:

- Trích quỹ dự phòng tài chính:	2 703 717 298
+ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	1 351 858 649
+ Quỹ dự trữ bắt buộc	1 351 858 649
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	2 703 717 297
- Chia cổ tức 2014 (6.2%)	21 700 000 000



Nguyễn Văn Dũng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2015

Lê Thanh Tùng
Kế toán trưởng

Bùi Thị Thanh Hiền
Người lập biểu